

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
KHOA PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
BỘ MÔN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP (45)**

**Cần Thơ, tháng 12 năm 2020**



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh Nông nghiệp được mô tả như sau:

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt)	Kinh doanh Nông nghiệp
Tên chương trình (tiếng Anh)	Agricultural Business
Mã số ngành đào tạo	7620114
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, giáo dục thường xuyên
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);</li><li>- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);</li><li>- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.</li></ul>
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhân viên kinh doanh, nhà quản lý ở tất cả các loại hình doanh nghiệp/hợp tác xã trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nông thủy sản; chuyên viên hoặc nhà quản lý ở các cơ quan nhà nước (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Công thương của các tỉnh, thành; Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Phòng Kinh tế ở các huyện thị);</li></ul>

	- Nghiên cứu viên và giảng viên ở các viện, trường, cơ sở đào tạo có liên quan đến kinh doanh nông nghiệp.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	Cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể học thêm một bằng đại học khác cùng nhóm ngành hoặc học tiếp cao học (Thạc sĩ) hoặc nghiên cứu sinh (Tiến sĩ) ở các trường đại học trong và ngoài nước.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	Luật Giáo dục đại học; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản 2015);  Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh nông nghiệp của Trường Đại học Đà Nẵng - Phân hiệu tại Kon Tum, chương trình quản trị kinh doanh nông nghiệp tiên tiến của Học viện Nông nghiệp Việt Nam và chương trình đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp của Đại học Arkansas của Mỹ.
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 - 2023.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 12 năm 2020

## 2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Kinh doanh nông nghiệp trình độ đại học đào tạo cử nhân có kiến thức chuyên môn tổng hợp từ tổ chức sản xuất, quản lý chuỗi cung ứng, quản lý và chế biến nông sản đến thương mại hóa nông sản trên thị trường; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp đáp ứng khung trình độ quốc gia; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ theo quy định hiện hành; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất chính trị đạo đức, năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi; có năng lực nghiên cứu khoa học và có sức khỏe đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân của người học, phục vụ phát triển kinh tế của đất nước và yêu cầu của quốc tế.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b. Đào tạo cử nhân Kinh doanh nông nghiệp có trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh, có lòng yêu nước, yêu ngành yêu nghề, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc; năng lực ngoại ngữ và năng lực công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;

c. Cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp được trang bị kiến thức cơ bản, có kiến thức chuyên môn sâu, có khả năng tự nghiên cứu, xây dựng, tổ chức và thực hiện phương án kinh doanh nông nghiệp. Người học có khả năng phân tích và hoạch định các chiến lược phát triển thương mại nông nghiệp, có thể tự phân tích và đánh giá được các hoạt động kinh doanh nông nghiệp trong môi trường quốc tế, chủ động và thích ứng tốt trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế quốc tế của cả nước nói chung và ở ĐBSCL nói riêng;

d. Cử nhân Kinh doanh nông nghiệp có khả năng làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan nghiên cứu khoa học và đào tạo có liên quan đến kinh doanh nông nghiệp, các đơn vị kinh doanh như công ty xuất nhập khẩu nông sản, công ty sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp, các trang trại và các HTX nông nghiệp hoặc tự khởi nghiệp.

### **3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

#### **3.1. Kiến thức**

##### **3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương**

a. Nắm được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị như chủ nghĩa Mác - Lênin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

b. Nắm được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên như toán học, xác suất thống kê, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

c. Nắm được kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, có hiểu biết cơ bản về ngoại ngữ và tin học, có tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

##### **3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành**

a. Nắm vững kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong kinh tế như toán kinh tế, thống kê trong kinh tế, kinh tế lượng nhằm đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ;

b. Nắm vững kiến thức cơ bản về quản trị, kế toán, marketing, luật thương mại giúp người lãnh đạo đưa ra các quyết định nhằm đạt mục tiêu của tổ chức;

c. Nắm vững kiến thức cơ bản về trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản trong hệ thống sản xuất của ngành nông nghiệp và các phương thức, công nghệ bảo quản và chế biến mặt hàng nông - thủy sản;

d. Hiểu rõ về những nguyên lý kinh tế cơ bản để phân tích các hoạt động trong nền kinh tế, nắm bắt được các vấn đề về chính sách có tác động đến tổng thể của nền kinh tế từ đó đưa ra những giải pháp nhằm đạt mục tiêu của tổ chức; hiểu rõ phương pháp nghiên cứu phù hợp trong kinh doanh nông nghiệp.

##### **3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành**

a. Nắm vững kiến thức tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, hệ thống tổ chức sản xuất và phân phối nông sản của các công ty trong và ngoài nước;

b. Nắm vững kiến thức và phương pháp về quản trị trong kinh doanh nông nghiệp như: quản trị sản xuất, quản trị thương hiệu, quản trị chuỗi cung ứng; Có kỹ thuật thương thuyết tốt và đàm phán một cách hiệu quả; phân tích thị trường nông nghiệp, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động kinh doanh nông nghiệp;

c. Có khả năng ứng dụng được kiến thức chuyên môn vào trong thực tiễn hoạt động kinh doanh nông nghiệp.

## **3.2. Kỹ năng**

### **3.2.1. Kỹ năng cứng**

a. Hình thành và tăng cường khả năng diễn đạt lưu loát các vấn đề trong kinh doanh, có kỹ năng giao tiếp và đàm phán tốt; có khả năng giải quyết được những vấn đề và ra quyết định trong kinh doanh;

b. Hình thành khả năng phân tích phản biện, đánh giá thị trường và toàn bộ hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, các hoạt động tổ chức kinh doanh trong nền kinh tế;

c. Có khả năng xây dựng chiến lược và thực hiện chiến lược trong kinh doanh nông nghiệp.

### **3.2.2. Kỹ năng mềm**

a. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ ở mức cơ bản để giao tiếp và nghiên cứu tài liệu chuyên môn; có khả năng sử dụng thành thạo tin học văn phòng;

b. Có kỹ năng giao tiếp tốt như xác định các tình huống giao tiếp, giải thích một chiến lược giao tiếp; thực hiện được bài thuyết trình bằng điện tử.

c. Có khả năng làm việc độc lập hoặc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ đã xác định.

## **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

a. Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị đạo đức, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác nhau;

b. Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, có thái độ đúng mực với những sai lầm của mình;

c. Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp. Phương pháp và phong cách làm việc khoa học, có thái độ cầu tiến và vượt khó, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác.

d. Thực hành học tập suốt đời; chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân, luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi.

## **4. Tiêu chí tuyển sinh**

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

## 5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

### 5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (2)	Chuẩn đầu ra (3)																		
	Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)						Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)			
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)						
a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	a	B	c	a	b	c	a	b	c	d
2.2a	X	X	X	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.2b	X		X							X			X	X		X	X		
2.2c		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.2d		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

### 5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)				
			Kiến thức (3.1)								Kỹ năng (3.2)												
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)	Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)									
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	C	d	a	b	c	a	b	c	A	b	c	a	b	c	d	
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>																							
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	X																		X		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	X																		X		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	X																		X		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	X																		X		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	X																		X		
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)				X										X					X		X
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)				X										X					X		X
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)				X										X					X		X
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)				X										X					X		X
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)				X										X					X		X
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)				X										X					X		X
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)				X										X					X		X
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)				X										X					X		X
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)				X										X					X		X
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)				X										X					X		X

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)															Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)				
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)										
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)						
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	C	d	a	b	c	a	b	c	A	b	c	a	b	c	d
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)			X											X			X		X	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)			X											X			X		X	
18	TN033	Tin học căn bản (*)			X											X			X		X	
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)			X											X			X		X	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	X															X	X	X		
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X															X	X	X		
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X															X	X	X		
23	ML011	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X															X	X	X	X	X
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X															X	X	X		
25	KL001	Pháp luật đại cương	X															X	X	X		
26	TN010	Xác suất thống kê		X		X								X				X				
27	KT105	Toán kinh tế 1		X		X								X				X				
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp			X													X	X	X		
29	XH028	Xã hội học đại cương			X																	
30	KN001	Kỹ năng mềm			X													X	X	X		
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp			X										X							
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>																						
32	KT101	Kinh tế vi mô 1				X			X					X					X	X		
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1				X	X		X					X					X	X		
34	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh				X			X					X					X	X		
35	HG151	Phương pháp nghiên cứu khoa học - KDNN				X			X										X	X		
36	KL215	Luật thương mại					X		X					X					X	X		
37	NN140	Trồng trọt đại cương							X										X	X		
38	NN139	Chăn nuôi đại cương							X										X	X		
39	TS103	Ngư nghiệp đại cương							X										X	X		
40	KT103	Quản trị học					X							X					X	X	X	
41	KT104	Marketing căn bản					X								X				X	X		
42	KT106	Nguyên lý kế toán					X												X	X		
43	HG152	Thực tập cơ sở ngành KDNN				X		X	X					X	X				X	X	X	X
44	KT318	Kinh tế nông nghiệp				X		X	X					X					X	X		X
45	PD327	Kinh tế phát triển nông thôn				X		X	X					X					X	X		X
46	KT113	Kinh tế lượng				X			X					X					X	X		X
47	HG255	Công nghệ bảo quản và chế biến nông thủy sản							X										X	X		



Học phần			Chuẩn đầu ra (3)															Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)					
			Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)											
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)				Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)								
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	C	d	a	b	c	a	b	c	A	b	c	a	b	c	d	
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>																							
48	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp									X		X	X				X	X				
49	HG251	Tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp								X	X	X		X	X			X	X				
50	HG252	Thương mại nông nghiệp									X	X		X				X	X				
51	HG253	Anh văn chuyên ngành KDNN														X		X	X				
52	KT316	Kinh doanh quốc tế								X	X			X				X	X				
53	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh									X	X	X	X				X	X				
54	HG254	Xây dựng và quản lý dự án kinh doanh									X	X	X	X				X	X				
55	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản									X			X				X	X				
56	HG201	Khởi sự doanh nghiệp nông nghiệp									X	X		X	X			X	X		X	X	
57	HG256	Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác								X	X	X		X				X	X				
58	KT428	Kỹ thuật đàm phán												X				X	X				
59	HG257	Thực tập chuyên ngành KDNN								X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X
60	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp																X	X	X			
61	KT337	Thương mại điện tử									X	X			X			X	X				
62	PD321	Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm									X			X				X	X				
63	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương									X	X		X	X			X	X				
64	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh									X	X		X			X	X	X		X		
65	KT361	Quản trị thương hiệu									X			X				X	X				
66	KT346	Quản trị chiến lược									X			X				X	X				
67	KT362	Quản trị thương mại									X			X				X	X				
68	NS264	Nông nghiệp công nghệ cao									X	X			X			X	X				
69	HG351	Luận văn tốt nghiệp - KDNN								X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
70	HG352	Tiểu luận tốt nghiệp - KDNN								X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
71	KT420	Dự báo kinh tế									X			X				X	X				
72	KT268	Kinh tế nông hộ								X	X			X				X	X				
73	HG353	Quản trị chất lượng trong nông nghiệp								X	X			X				X	X				
74	HG354	Chuyên đề tổng hợp Kinh doanh nông nghiệp									X			X			X	X	X				
75	KT240	Marketing nông nghiệp								X	X	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X
76	KT360	Quản trị sản xuất									X	X		X	X			X	X	X			

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Kinh doanh nông nghiệp được mô tả như sau:

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 141 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 47 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 41 tín chỉ (Bắt buộc: 38 tín chỉ; Tự chọn: 03 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 56 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 24 tín chỉ)

### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>											
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30				Bổ trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30				Bổ trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65			Bổ trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10			Bổ trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I, II, III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I, II, III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I, II, III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I, II, III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I, II, III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I, II, III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I, II, III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I, II, III	
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I, II, III	
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		FL002		I, II, III	
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I, II, III	
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		I, II, III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		I, II, III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15				I, II, III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2				60		TN033	I, II, III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3			45				I, II, III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2			30		ML014		I, II, III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			30		ML016		I, II, III
23	ML019	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I, II, III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I, II, III	
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I, II, III	
26	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				I, II, III	
27	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45				I, II	
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30				I, II	
29	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30				I, II, III	
30	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20				I, II, III
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I, II, III
<b>Cộng: 47 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>											
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>											
32	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				I, II	
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45				I, II	
34	KT471	Thông kê trong kinh tế và kinh doanh	3	3		45		TN010		I, II	
35	HG151	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Kinh doanh nông nghiệp	3	3		30	30	KT471		I, II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
36	KL215	Luật thương mại	3	3		45				I, II	
37	NN140	Trồng trọt đại cương	2	2		30				I, II	
38	NN139	Chăn nuôi đại cương	2	2		30				I, II	
39	TS103	Ngư nghiệp đại cương	2	2		30				I, II	
40	KT103	Quản trị học	3	3		45				I, II	
41	KT104	Marketing căn bản	3	3		45				I, II	
42	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45				I, II	
43	HG152	Thực tập cơ sở ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2		10	50	≥70 TC		III	
44	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3		3	35	10	KT101		I, II	
45	PD327	Kinh tế phát triển nông thôn	3			35	20	KT101, KT102		I, II	
46	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT471		I, II	
47	HG255	Công nghệ bảo quản và chế biến nông thủy sản	3	3		30	30			I, II	
<b>Cộng: 41 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 3 TC)</b>											
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>											
48	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	3		45				I, II	
49	HG251	Tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp	3	3		30	30			I, II	
50	HG252	Thương mại nông nghiệp	3	3		30	30			I, II	
51	HG253	Anh văn chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2		30				I, II	
52	KT316	Kinh doanh quốc tế	3	3		45				I, II	
53	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		45		KT106		I, II	
54	HG254	Xây dựng và quản lý dự án kinh doanh	2	2		25	10			I, II	
55	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản	2	2		30				I, II	
56	HG201	Khởi sự doanh nghiệp nông nghiệp	2	2		20	20			I, II	
57	HG256	Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác	2	2		25	10			I, II	
58	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	2		30				I, II	
59	HG257	Thực tập chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2			60	≥ 90 TC		III	
60	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2		14	30				I, II	
61	KT337	Thương mại điện tử	2			30					I, II
62	PD321	Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm	3			30	30	KT101			I, II
63	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương	3			45					I, II
64	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3			15	60	KT103, KT104, KT106			I, II
65	KT361	Quản trị thương hiệu	3			45					I, II
66	KT346	Quản trị chiến lược	3			45		KT103			I, II
67	KT362	Quản trị thương mại	3			45		KT104			I, II
68	NS264	Nông nghiệp công nghệ cao	3		30	30				I, II	
69	HG351	Luận văn tốt nghiệp - Kinh doanh nông nghiệp	10		10		300	≥ 105 TC		I, II	
70	HG352	Tiểu luận tốt nghiệp - Kinh doanh nông nghiệp	4				120	≥ 105 TC			I, II
71	KT420	Dự báo kinh tế	3			45		KT108			I, II
72	KT268	Kinh tế nông hộ	3			45		KT318			I, II
73	HG353	Quản trị chất lượng trong nông nghiệp	2			25	10				I, II
74	HG354	Chuyên đề tổng hợp Kinh doanh nông nghiệp	2				60	≥ 105 TC			I, II
75	KT240	Marketing nông nghiệp	3			45					I, II
76	KT360	Quản trị sản xuất	3			45					I, II
<b>Cộng: 56 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 24 TC)</b>											
<b>Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 95 TC; Tự chọn: 45 TC)</b>											

### 3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>									
1	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30			
2	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
3	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			
4	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
5	TN034	TT.Tin học căn bản	2	2			60		
6	TN033	Tin học căn bản	1	1		15			
		<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>13</b>					
<b>Học kỳ 2</b>									
7	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45			
8	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
9	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
10	KN001	Kỹ năng mềm	2		2	20	20		
11	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
12	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45			
13	KL215	Luật thương mại	3	3		45			
14	NN140	Trồng trọt đại cương	2	2		30			
15	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	3		45		TN010	
		<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>2</b>				
<b>Học kỳ 3</b>									
16	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30			
17	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30			
18	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65		
19	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10		
		<b>Cộng</b>	<b>8</b>	<b>8</b>					
<b>Học kỳ 4</b>									
20	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45			
21	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
22	NN139	Chăn nuôi đại cương	2	2		30			
23	TS103	Ngư nghiệp đại cương	2	2		30			
24	KT103	Quản trị học	3	3		45			
25	KT104	Marketing căn bản	3	3		45			
26	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60			
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>15</b>	<b>4</b>				
<b>Học kỳ 5</b>									
27	ML019	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
28	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45			
29	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3			45		KT101	
30	PD327	Kinh tế phát triển nông thôn	3		3	35	20	KT101, KT102	
31	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		
32	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	3		45			
33	HG251	Tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp	3	3		30	30		
34	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45			

		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>11</b>	<b>9</b>				
<b>Học kỳ 6</b>									
35	HG152	Thực tập cơ sở ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2		10	50	$\geq 70$ TC	
		<b>Cộng</b>	<b>2</b>	<b>2</b>					
<b>Học kỳ 7</b>									
36	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT471	
37	HG255	Công nghệ bảo quản và chế biến nông thủy sản	3	3		30	30		
38	HG252	Thương mại nông nghiệp	3	3		30	30		
39	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45			
40	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
41	KT316	Kinh doanh quốc tế	3	3		45			
42	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		45		KT106	
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>17</b>	<b>3</b>				
<b>Học kỳ 8</b>									
43	HG151	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Kinh doanh nông nghiệp	3	3		30	30	KT471	
44	HG254	Xây dựng và quản lý dự án KD	2	2		25	10		
45	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản	2	2		30			
46	HG201	Khởi sự doanh nghiệp NN	2	2		20	20		
47	HG256	Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác	2	2		25	10		
48	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	2		30			
49	HG253	Anh văn chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2		30			
50	KT337	Thương mại điện tử	2		2	30			
51	PD321	Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm	3		3	30	30	KT101	
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>15</b>	<b>5</b>				
<b>Học kỳ 9</b>									
52	HG257	Thực tập chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	2			<b>60</b>	$\geq 90$ TC	
		<b>Cộng</b>	<b>2</b>	<b>2</b>					
<b>Học kỳ 10</b>									
53	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương	3			45			
54	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2			30			
55	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3		9	45		KT103, KT104, KT106	
56	KT361	Quản trị thương hiệu	3			45			
57	KT346	Quản trị chiến lược	3			45		KT103	
58	KT362	Quản trị thương mại	3			45		KT104	
59	NS264	Nông nghiệp công nghệ cao	3			25	10		
60	HG351	Luận văn tốt nghiệp - Kinh doanh nông nghiệp	10		10		300	$\geq 105$ TC	
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>19</b>				
		<b>Tổng cộng</b>	<b>141</b>	<b>99</b>	<b>42</b>				

#### 4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tấn công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm giới thiệu cho người học về lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương ứng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng ký học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng ký vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng ký 03 học phần: Taekwondo 1 (TC003), Taekwondo 2 (TC004), Taekwondo 3 (TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Anh văn căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Anh văn tăng cường 1 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Anh văn tăng cường 2 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bảng mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian,... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, kể lại một câu chuyện quá khứ và nói về những dự định trong tương lai. Trong chương trình này, sinh viên sẽ được làm quen với các bài đọc, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ và viết thư. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ và tương lai. Ngoài ra, chương trình môn Pháp văn căn bản 3 cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn	4	Chương trình Pháp văn tăng cường 1 sẽ cung cấp cho sinh	Khoa Ngoại ngữ



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		tăng cường 1 (*)		viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng liên quan đến đời sống hằng ngày về giới thiệu gia đình, miêu tả người, nhà ở, diễn đạt sở thích và diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân. Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 200 từ, viết đoạn văn ngắn khoảng 80-100 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 2 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về sức khỏe, công việc và thời gian rảnh... Trong chương trình này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 250 từ, viết đoạn văn khoảng 100-140 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về phương tiện truyền thông, giao tiếp trên mạng xã hội, du lịch khám phá và về những kỉ niệm... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá khoảng 300 từ, viết đoạn văn khoảng 140-180 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành	Khoa Khoa học Tự nhiên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		bản (*)		Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác - Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu,	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa luật
26	TN010	Xác suất thống kê	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất, làm cơ sở cho các học phần có liên quan đến lý thuyết xác suất và thống kê trong chuyên ngành. Học phần bao gồm hai phần: Phần xác suất và phần thống kê. - <i>Phần xác suất</i> : Những khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các phân phối thông dụng, đại lượng ngẫu nhiên nhiều chiều và các tham số đặc trưng của chúng. - <i>Phần thống kê</i> : Tổng thể và mẫu, các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu, ước lượng tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định tham số của đại lượng ngẫu nhiên, hồi quy và tương quan.	Khoa Khoa học tự nhiên
27	KT105	Toán kinh tế 1	3	Học phần gồm 06 chương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các lý thuyết toán ứng dụng trong kinh tế làm nền tảng để sinh viên học các phần liên quan tiếp theo. Nội dung học phần gồm 2 phần: Phần 1 tìm hiểu về lý thuyết đại số tuyến tính, gồm có: Chương 1 về lý thuyết ma trận, định thức; chương 2 tìm hiểu về hệ phương trình tuyến tính; chương 3 tìm hiểu việc ứng dụng ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính trong kinh tế. Phần 2 tìm hiểu về lý thuyết vi tích phân, gồm có: Chương 1, 2 tìm hiểu về hàm một biến và việc ứng dụng hàm một biến trong kinh tế; chương 3 tìm hiểu về tích phân và một số ứng dụng; chương 4,5 tìm hiểu về hàm nhiều biến và ứng dụng và chương 6 tìm hiểu về phương trình vi phân và ứng dụng phương trình vi phân trong kinh tế.	Khoa Kinh tế
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, đặc biệt giao tiếp trong công sở (Communication for Business). Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, và sau đó tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ được học các nguyên lý giao tiếp hiệu quả, giao tiếp với khách hàng, cá	Khoa Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nhân hoặc nhóm, các nguyên lý về kỹ năng giao tiếp viết (tập trung vào kỹ năng viết báo cáo, email, thư giao dịch), kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thương lượng, giải quyết xung đột...	
29	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
32	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các ngành kinh tế những kiến thức cơ sở về các lý thuyết kinh tế làm nền tảng để sinh viên học các phần kinh tế tiếp theo. Nội dung cụ thể của học phần bao gồm giới thiệu cho người học một cách khái quát chung về kinh tế học vi mô; cung cấp cho người học các lý thuyết về cung - cầu; những lý thuyết cơ bản về hành vi người tiêu dùng và hành vi trong sản xuất của các tổ chức doanh nghiệp nói chung; đặc điểm và bản chất hoạt động của các loại thị trường; và giới thiệu về thị trường các yếu tố đầu vào.	Khoa Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	Học phần gồm 08 chương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các lý thuyết kinh tế vĩ mô làm nền tảng để sinh viên học các phần kinh tế tiếp theo. Nội dung cụ thể của học phần bao gồm; chương 1 mở đầu giới thiệu cho người học một cách khái quát về kinh tế học vĩ mô; chương 2 cung cấp cho người học về các khái niệm và phương pháp tính GNP, GDP và CPI; chương 3 trình bày về việc phân phối thu nhập quốc dân trong nền kinh tế; chương 4 và chương 5 trình bày các nội dung về lạm phát và thất nghiệp; chương 6 tìm hiểu về hoạt động của nền kinh tế mở, đặc điểm và bản chất hoạt động của các loại thị trường; chương 7 tìm hiểu về tổng cung, tổng cầu trong nền kinh tế ngắn hạn và chương 8 tìm hiểu về mô hình IS-LM.	Khoa Kinh tế
34	KT471	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	Các nội dung của học phần nhằm trang bị cho các sinh viên ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thống kê làm nền tảng để sinh viên học các phần tiếp theo và thực hiện các nghiên cứu khoa học. Nội dung	Khoa Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				học phần cụ thể bao gồm; chương giới thiệu chung về học phần; chương 1 hướng dẫn về phương pháp tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; chương 2 tìm hiểu về các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội; chương 3 giới thiệu về phân phối chuẩn và phân phối mẫu; chương 4 phương pháp ước lượng khoảng tin cậy; chương 5 hướng dẫn về các phương pháp kiểm định giả thuyết; chương 6 tìm hiểu về tương quan và hồi quy tuyến tính; chương 7 tìm hiểu về dãy số thời gian và chương 8 hướng dẫn về phương pháp chọn mẫu.	
35	HG151	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Kinh doanh nông nghiệp	3	Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học - KDNN là một học phần quan trọng trong, tạo tiền đề cho thực hiện chuyên đề và luận văn/tiểu luận tốt nghiệp. Nội dung học phần cung cấp sinh viên một khung chung về cách thức tiến hành viết một đề cương nghiên cứu khoa học cũng như phương pháp thu thập và xử lý số liệu. Bên cạnh đó, thông qua phương pháp giảng dạy tương tác giữa giảng viên với sinh viên và giữa các sinh viên với nhau, sau khi hoàn thành khóa học sinh viên có thể hệ thống những kiến thức đã học và các vấn đề cần thiết hình thành đề cương nghiên cứu cũng như tạo ra những định hướng cơ bản trong nghiên cứu.	Khoa Phát triển Nông thôn
36	KL215	Luật thương mại	3	Học phần này giới thiệu tổng quan về Luật thương mại, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về Luật thương mại như: lịch sử luật thương mại, lý luận về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh và nguồn của luật thương mại; và Nghiên cứu các quy định về thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và các hoạt động thương mại chủ yếu được quy định trong luật thương mại Việt Nam như xúc tiến thương mại, các dịch vụ trung gian thương mại, đấu thầu và bán đấu giá hàng hoá, gia công trong thương mại, nhượng quyền thương mại, khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành, quyền và nghĩa vụ của từng loại hình doanh nghiệp, HTX và việc cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.	Khoa Luật
37	NN140	Trồng trọt đại cương	2	Học phần trồng trọt đại cương trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh lý thực vật, đất, dinh dưỡng cây trồng và kiến thức về bảo vệ thực vật. Nội dung học phần gồm 05 chương: Chương 1 nhằm giới thiệu đại cương về sinh lý thực vật; Chương 2 tìm hiểu về môi trường cho cây trồng; Chương 3 tìm hiểu về giống cây trồng; Chương 4 tìm hiểu về dinh dưỡng cây trồng; Chương 5 hướng dẫn phương pháp bảo vệ cây trồng.	Khoa Nông nghiệp và Khoa Phát triển Nông thôn
38	NN139	Chăn nuôi đại cương	2	Học phần chăn nuôi đại cương gồm 05 chương. Chương 1 tìm hiểu chung về chuồng trại chăn nuôi; Chương 2 tìm hiểu về dinh dưỡng và thức ăn trong chăn nuôi; Chương 3 tìm hiểu về về giống gia súc, gia cầm; Chương 4 và chương 5 tìm hiểu về cách nuôi dưỡng và chăm sóc.	Khoa Nông nghiệp và Khoa Phát triển Nông thôn
39	TS103	Ngư nghiệp đại cương	2	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản trong nuôi trồng thủy sản. Nội dung học phần gồm 07 chương: Chương 1 cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản trong nuôi trồng thủy sản; Chương 2 tìm hiểu về đặc tính sinh học của một số loài cá nước ngọt; Chương 3 trình bày về cách thức quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản; Chương 4 cung cấp kiến thức về dinh dưỡng cá;	Khoa Thủy sản và Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Chương 5, 6 hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống và kỹ thuật nuôi và Chương 7 hướng dẫn cách quản lý sức khỏe động vật thủy sản.	
40	KT103	Quản trị học	3	Học phần gồm 09 chương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các lý thuyết quản trị học làm nền tảng để sinh viên học các phần liên quan tiếp theo. Trong đó: chương 1 giới thiệu tổng quan về quản trị học; chương 2 tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của quản trị học; chương 3 tìm hiểu về các loại môi trường của hoạt động tổ chức; chương 4 tìm hiểu về tài nguyên thông tin và vai trò của thông tin trong hoạt động quản trị; chương 5 tìm hiểu về hoạt động quyết định trong công tác quản trị; từ chương 6 đến chương 9 tìm hiểu chi tiết về các tiến trình của quản trị học (Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm tra).	Khoa Kinh tế
41	KT104	Marketing căn bản	3	Học phần này nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu cho sinh viên về xây dựng và phát triển thương hiệu. Nội dung học phần gồm: (1) hoạch định chiến lược xây dựng thương hiệu; (2) hoạch định chiến lược định vị, phát triển và duy trì thương hiệu; (3) vấn đề nhượng quyền thương hiệu và định giá thương hiệu hàng hóa; (4) vấn đề đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước và quốc tế.	Khoa Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
42	KT106	Nguyên lý kế toán	3	Học phần Nguyên lý kế toán cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản về kế toán và ứng dụng các kiến thức này vào giải quyết một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Học phần nguyên lý kế toán gồm có 6 chương: chương 1 cung cấp các nội dung liên quan về tổng quan của kế toán, chương 2 cung cấp các nội dung về tổng hợp và cân đối kế toán, chương 3 cung cấp các nội dung về tài khoản và ghi sổ kép, chương 4 cung cấp các nội dung về kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu, chương 5 cung cấp các nội dung về chứng từ kế toán, chương 6 cung cấp các nội dung về sổ sách và các hình thức kế toán.	Khoa Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
43	HG152	Thực tập cơ sở ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về hệ thống tổ chức sản xuất, chế biến, phân phối và kinh doanh nông nghiệp của các trang trại, HTX và các công ty, doanh nghiệp trong nước hoặc liên doanh với nước ngoài. Môn học còn giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức đã được trang bị của các học phần: kinh tế nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp, marketing nông nghiệp, nghiệp vụ ngoại thương, phân tích hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp nông nghiệp và HTX, hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, kinh doanh quốc tế,...	Khoa Phát triển Nông thôn
44	KT318	Kinh tế nông nghiệp	3	Học phần này giới thiệu về vai trò của nông nghiệp đến phát triển kinh tế; tìm hiểu về kinh tế các nguồn lực sản xuất nông nghiệp; tìm hiểu về lý thuyết sản xuất nông nghiệp; tìm hiểu về lý thuyết thị trường nông sản và sự can thiệp của chính phủ; tìm hiểu về lý thuyết thị trường tín dụng ở nông thôn và chương 6 trình bày về lý thuyết phát triển nông nghiệp bền vững.	Khoa Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
45	PD327	Kinh tế phát triển nông thôn	3	Học phần giới thiệu các nội dung về vai trò nông nghiệp đối với phát triển kinh tế, chương 2 giới thiệu các nội dung về kinh tế các nguồn lực sản xuất nông nghiệp, chương 3 giới thiệu các nội dung về lý thuyết sản xuất nông nghiệp,	Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chương 4 giới thiệu các nội dung về lý thuyết thay đổi và chuyên giao công nghệ trong nông nghiệp, chương 5 giới thiệu các nội dung về lý thuyết thị trường nông sản và sự can thiệp của chính phủ, chương 6 giới thiệu các nội dung về lý thuyết thị trường tín dụng nông thôn.	
46	KT113	Kinh tế lượng	3	Học phần giới thiệu tổng quan về học phần; tìm hiểu về mô hình hồi quy đa biến; tìm hiểu về bản chất của hiện tượng phương sai sai số thay đổi; tìm hiểu về hiện tượng tự tương quan và đa cộng tuyến; tìm hiểu về mô hình sử dụng biến giả và biến bị chặn; trình bày về phương pháp kiểm định lựa chọn mô hình; phân tích các mô hình dãy số thời gian và giới thiệu phân tích dãy số liệu hồi quy với bảng số liệu theo không gian và thời gian.	Khoa Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
47	HG255	Công nghệ bảo quản và chế biến nông thủy sản	3	Học phần giới thiệu về các phương pháp bảo quản và chế biến nông, lâm sản, trình bày về Phương pháp bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi, Phương pháp bảo quản và chế biến thủy sản. Tiếp theo trình bày về Phương pháp vận chuyển nguyên liệu nông, lâm, thủy sản. Chương 6 trình bày chỉ tiêu chất lượng và phương pháp kiểm tra chất lượng nông sản, sản phẩm chăn nuôi và thủy. Học phần cũng bao gồm nội dung thực tập, thực hành và tham quan thực tế nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cách bảo quản nông, thủy sản.	Khoa Phát triển Nông thôn
48	KT411	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	Học phần giới thiệu về một số khái niệm và khung phân tích chính sách và kinh tế học, phân tích ma trận chính sách, tác động của chính sách IPM trong nông nghiệp, nông nghiệp Việt Nam và WTO. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn, khung phân tích chính sách, chính sách trong kinh tế học. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu một số chính sách như: chính sách giá, chính sách đất đai, chính sách thủy lợi,...Ngoài ra, học phần còn giới thiệu các tác động của chính sách IPM trong nông nghiệp.	Khoa Kinh tế và Khoa Phát triển Nông thôn
49	HG251	Tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp	3	Học phần tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp nhằm cung cấp những kiến thức tổng quan về vai trò và đặc điểm trong việc sản xuất và kinh doanh nông nghiệp. Sinh viên được cung cấp những kiến thức về thách thức và xu hướng sản xuất và kinh doanh nông nghiệp trong cách mạng công nghiệp 4.0. Học phần còn trang bị kiến thức và giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các loại hình tổ chức sản xuất và kinh doanh trong nông nghiệp. Song song đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các kênh phân phối vật tư đầu vào trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Giúp sinh viên có thể xây dựng được các chiến lược trong việc phân phối vật tư đầu vào sản xuất cũng như chiến lược tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp một cách hiệu quả. Học phần còn giúp sinh viên có thể xây dựng được các mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp một cách bền vững.	Khoa Phát triển Nông thôn
50	HG252	Thương mại nông nghiệp	3	Nội dung của học phần gồm 07 chương nhằm trang bị cho sinh viên nắm vững được cơ bản các hoạt động thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó chương 1 giới thiệu tổng thể về thương mại nông nghiệp; chương 2 tìm hiểu về đặc điểm cung - cầu của các sản phẩm nông nghiệp; chương 3 hướng dẫn người học các phương pháp	Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				ước lượng cung - cầu trong nông nghiệp; chương 4 tìm hiểu về giá cả và thị trường trong nông nghiệp; chương 5, 6 tìm hiểu về quan hệ giữa các thị trường theo không gian và thời gian và cuối cùng là chương 7 tìm hiểu về phương pháp nghiên cứu thương mại trong nông nghiệp.	
51	HG253	Anh văn chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	Học phần gồm 07 bài, cung cấp cho sinh viên một số từ vựng tiếng Anh thông dụng dùng trong giao tiếp phổ thông, tập trung vào các đề tài như nói con người, các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn, các sản phẩm về nông nghiệp và thị trường, chiến lược và cách quản lý. Sinh viên có thể giao tiếp được các tình huống liên quan đến kiến thức thuộc ngành học.	Khoa Phát triển Nông thôn
52	KT316	Kinh doanh quốc tế	3	Kinh doanh quốc tế là học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức căn bản và chuyên sâu về quá trình tổ chức và thực hiện các hoạt động giao dịch, kinh doanh được tiến hành giữa các doanh nghiệp của các quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu. Học phần gồm năm chương cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các vấn đề chính liên quan đến kinh doanh quốc tế (KDQT), nội dung và hình thức hoạt động, các công ty đa quốc gia nổi tiếng, chiến lược xuất khẩu và một số thời cơ thách thức của doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	Khoa Kinh tế
53	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Học phần phân tích hoạt động kinh doanh bao gồm có 6 chương. Là một học phần nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình kinh tế - tình hình tài chính và nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả của tình hình đó. Kết quả phân tích là cơ sở dự báo, hoạch định chính sách và ra quyết định hoạt động kinh doanh của tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.	Khoa Kinh tế
54	HG254	Xây dựng và quản lý dự án kinh doanh	2	Học phần xây dựng và quản lý dự án kinh doanh gồm có 4 chương. Chương 1 giới thiệu tổng quan về xây dựng và quản lý dự án kinh doanh. Chương 2 trình bày về phương pháp xây dựng một dự án kinh doanh. Chương 3 giới thiệu phương pháp quản lý dự án kinh doanh. Chương 4 trình bày về phương pháp giám sát và đánh giá dự án kinh doanh. Ở học phần này sinh viên cũng sẽ được hướng dẫn thực hành để xây dựng một dự án kinh doanh.	Khoa Phát triển Nông thôn
55	KT243	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản	2	Học phần này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư...được giới thiệu trong học phần để giúp người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro cho các đối tượng này.	Khoa Kinh tế
56	HG201	Khởi sự doanh nghiệp nông nghiệp	2	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kinh doanh nông nghiệp, hình thành nên ý tưởng kinh doanh, các bước để tiến hành khởi sự doanh nghiệp, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và thiết kế chiến lược marketing sản phẩm nông nghiệp.	Khoa Phát triển Nông thôn
57	HG256	Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp	2	Học phần quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác gồm có 3 chương. Chương 1: Tổng quan về kinh tế hợp tác. Chương 2: Những quy định chung về các tổ chức kinh tế hợp tác. Chương 3: Quản trị và điều hành các tổ chức	Khoa Phát triển Nông thôn



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		tác		kinh tế hợp tác. Trong học phần này, sinh viên sẽ đi tham quan thực tế một HTX hay một tổ hợp tác sản xuất.	
58	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	Học phần kỹ thuật đàm phán cung cấp cho giúp sinh viên những vấn đề chung về đàm phán, thương lượng trong kinh doanh, cũng như nắm được các kỹ năng đàm phán cần thiết trong kinh doanh. Học phần gồm có 5 chương: chương 1 giới thiệu các nội dung về khái niệm chung trong giao tiếp, chương 2 giới thiệu các nội dung về khái niệm cơ bản về đàm phán, chương 3 giới thiệu các nội dung về các kỹ năng cơ bản của đàm phán viên, chương 4 giới thiệu các nội dung về chuẩn bị đàm phán, chương 5 giới thiệu các nội dung về các bài học kinh nghiệm trong đàm phán.	Khoa Kinh tế
59	HG257	Thực tập chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	2	Học phần thực tập chuyên ngành kinh doanh nông nghiệp được tổ chức giảng dạy gồm có 14 ngày học tập thực thực tế của sinh viên tại các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp. Học nhằm phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về hoạt động sản xuất và kinh doanh của các trang trại, HTX và các công ty, doanh nghiệp trong nước hoặc liên doanh với nước ngoài. Học phần còn giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức đã được trang bị của các học phần: kinh tế nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp, marketing nông nghiệp, nghiệp vụ ngoại thương, phân tích hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp nông nghiệp và HTX, hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, kinh doanh quốc tế,...	Khoa Phát triển Nông thôn
60	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	Học phần gồm 05 chương được tổ chức thành hai phần chính; đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp. Phần đạo đức trong kinh doanh, gồm: chương 1 giới thiệu khái quát về đạo đức kinh doanh và chương 2 trình bày hoạt động xây dựng đạo đức trong kinh doanh. Phần văn hóa doanh nghiệp gồm 3 chương: chương 3 trình bày khái quát về văn hóa doanh nghiệp, chương 4 trình bày về hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp và cuối cùng chương 5 trình bày về văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.	Khoa Kinh tế
61	KT337	Thương mại điện tử	2	Nội dung của học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, một số mô hình thương mại điện tử cũng như cách thức giao dịch trong thương mại điện tử. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến những vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại điện tử như marketing điện tử, thanh toán điện tử và vấn đề an toàn trong giao dịch thương mại điện tử. Bên cạnh đó, những tình huống thực tế và bài tập thực hành từ thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại điện tử cũng được đưa vào để giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học.	Khoa Kinh tế
62	PD321	Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm	3	Học phần nhằm giúp sinh viên biết tổng thể về chuỗi giá trị của một sản phẩm từ lúc sản xuất đến khi tiêu thụ sẽ qua các tác nhân nào, vai trò và trách nhiệm của mỗi tác nhân trong chuỗi cung ứng của sản phẩm hay của một tổ chức, cũng như mức đóng góp và nhận về của mỗi tác nhân trong cơ cấu chi phí và lợi nhuận chuỗi. Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm hay của tổ chức, nâng cao chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh	Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				trên thị trường.	
63	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương	3	Học phần nghiệp vụ ngoại thương được chia thành chương với 02 phần. Phần 1 gồm có 2 chương (Chương 1 và 2) và phần 2 có 4 chương (4 chương còn lại). Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về những văn bản pháp luật trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó còn cung cấp những kiến thức về các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh xuất nhập khẩu.	Khoa Kinh tế
64	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3	Học phần gồm 07 chương, các chương của học phần nhằm hướng dẫn sinh viên hiểu về các lý thuyết mô phỏng rời rạc theo sự kiện và mô phỏng hệ thống liên tục. Trong nội dung mô phỏng rời rạc, người học được giới thiệu về khái niệm mô phỏng và nguyên tắc mô phỏng bằng tay cũng như mô phỏng trên bảng tính. Trong nội dung mô phỏng hệ thống liên tục, người học được giới thiệu về tư tưởng hệ thống và các công cụ để hỗ trợ cho tư duy hệ thống, trong đó có mô hình hóa hệ thống liên tục.	Khoa Kinh tế
65	KT361	Quản trị thương hiệu	3	Học phần này nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu cho sinh viên về xây dựng và phát triển thương hiệu. Nội dung học phần gồm: (1) hoạch định chiến lược xây dựng thương hiệu; (2) hoạch định chiến lược định vị, phát triển và duy trì thương hiệu; (3) vấn đề nhượng quyền thương hiệu và định giá thương hiệu hàng hóa; (4) vấn đề đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước và quốc tế.	Khoa Kinh tế
66	KT346	Quản trị chiến lược	3	Học phần giúp sinh viên hiểu và nắm được về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp, công việc nội dung của hình thành, thực thi chiến lược, các công cụ được sử dụng để phân tích lựa chọn chiến lược kinh doanh. Sau khi học giúp rèn kỹ năng tư duy chiến lược, vận dụng để xây dựng chiến lược kinh doanh và thực thi, đánh giá chiến lược trong tổ chức của mình.	Khoa Kinh tế
67	KT362	Quản trị thương mại	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh doanh thương mại trong điều kiện nền kinh tế thị trường, môi trường kinh doanh, thị trường và phát triển thị trường, quản trị mua hàng và quản trị dự trữ hàng hóa, quản trị bán hàng, các dịch vụ khách hàng, xúc tiến bán hàng, quản trị nhân sự, vốn và chi phí ở các doanh nghiệp thương mại. Khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động quản trị một đơn vị kinh doanh thương mại cụ thể.	Khoa Kinh tế
68	NS264	Nông nghiệp công nghệ cao	3	Học phần giúp sinh viên tư duy, phân tích, đánh giá nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành để hiểu được nguyên lý, giải thích mối quan hệ giữa các nhân tố sinh học với chu trình sản xuất NNCNC; Vận dụng được các về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa và kiến thức chuyên ngành để vận hành trang thiết bị, thực hiện quy trình công nghệ và quản lý chất lượng sản phẩm; Vận dụng kiến thức quản lý và phát triển thị trường để tổ chức tốt các hoạt động sản xuất, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm theo chuỗi giá trị; Vận dụng kiến thức tổng hợp trong quản lý và kỹ thuật để tổ chức nghiên cứu và phát triển các chương	Khoa Nông nghiệp và Khoa Phát triển Nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	
69	HG351	Luận văn tốt nghiệp - Kinh doanh nông nghiệp	10	Luận văn tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh đặt ra. Luận văn tốt nghiệp được tổ chức thời gian thực tập từ 15 - 20 tuần. Nội dung luận văn tốt nghiệp được cấu trúc thành 04 phần chính gồm: (1) Phần mở đầu, (2) Phần phương pháp nghiên cứu, (3) Phần kết quả và thảo luận và (4) Phần Kết luận và kiến nghị.	Khoa Phát triển Nông thôn
70	HG352	Tiểu luận tốt nghiệp - Kinh doanh nông nghiệp	4	Tiểu luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh đặt ra. Tiểu luận tốt nghiệp được tổ chức thời gian thực tập từ 10 - 15 tuần. Nội dung tiểu luận tốt nghiệp được cấu trúc thành 04 phần chính gồm: (1) Phần mở đầu, (2) Phần phương pháp nghiên cứu, (3) Phần kết quả và thảo luận và (4) Phần Kết luận và kiến nghị	Khoa Phát triển Nông thôn
71	KT420	Dự báo kinh tế	3	Học phần gồm 07 chương, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp và các mô hình thường được áp dụng trong thực hiện các dự báo trong kinh tế. Nội dung cụ thể của học phần bao gồm; chương 1 giới thiệu tổng quan về các hoạt động phân tích dự báo; chương 2 cung cấp cho người học về phương pháp xây dựng cơ sở dữ liệu và phân tích dữ liệu; chương 3 giới thiệu về các mô hình dự báo giản đơn; chương 4 giới thiệu về phương pháp dự báo bằng phân tích hồi quy; chương 5 giới thiệu về mô hình dự báo ARIMA; chương 6 giới thiệu mô hình ARCH/GARCH và chương 7 giới thiệu các mô hình nhân quả.	Khoa Kinh tế
72	KT268	Kinh tế nông hộ	3	Học phần kinh tế nông hộ nhằm giới thiệu tổng qua về kinh tế nông hộ cũng như các nguồn lực của nông hộ và hoạt động sản xuất, học phần gồm có 7 chương. Chương 1 giới thiệu về kinh tế nông hộ, chương 2 Sự tối ưu hóa trong hoạt động nông hộ, chương 3 Mô hình kinh tế nông hộ, chương 4 Vai trò của phụ nữ trong nông hộ, chương 5 trình bày về quy mô nông trại và năng suất nhân tố; chương 6 trình bày những tiến bộ kỹ thuật giúp phát triển kinh tế hộ; chương 7 trình bày mối quan hệ giữa người dân và môi trường.	Khoa Kinh tế
73	HG353	Quản trị chất lượng trong nông nghiệp	2	Học phần quản trị chất lượng trong nông nghiệp trang bị cho sinh viên các khái niệm tổng quát về chất lượng của các sản phẩm trong nông nghiệp, các phương pháp quản trị chất lượng để sản phẩm đạt chất lượng tốt hơn, các chi phí có liên quan đến quá trình quản trị.	Khoa Kinh tế
74	HG354	Chuyên đề tổng hợp Kinh doanh nông nghiệp	2	Học phần nhằm giúp sinh viên nghiên cứu, phân tích và tổng hợp các vấn đề có liên quan trong lĩnh vực kinh tế nói chung và kinh doanh nông nghiệp nói riêng. Học phần giúp sinh viên ứng dụng các lý thuyết đã được trang bị về kinh doanh nông nghiệp để phân tích một vấn đề cụ thể trong thực tế thuộc lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp của Việt Nam và các nước trên thế giới.	Khoa Phát triển Nông thôn

<b>TT</b>	<b>Mã số HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Mô tả tóm tắt học phần</b>	<b>Đơn vị giảng dạy học phần</b>
75	KT240	Marketing nông nghiệp	3	Học phần giúp sinh viên hiểu về marketing nông nghiệp, cách tiếp cận marketing và phân tích thị trường nông nghiệp. Xây dựng thực hiện kế hoạch hay chiến lược marketing cho ngành hàng nông sản. Giúp sinh viên hình thành nên các kỹ năng cần thiết trong thực hiện nghiên cứu và phân tích thị trường.	Khoa Kinh tế
76	KT360	Quản trị sản xuất	3	Sản xuất là một hoạt động luôn biến đổi một cách nhanh chóng nhằm ngày càng đáp ứng nhiều hơn nhu cầu rất đa dạng của thị trường. Sự thay đổi các công nghệ sản xuất, việc áp dụng những thành tựu của công nghệ thông tin, thành tựu của cơ khí hóa, tự động hóa đã ảnh hưởng rất lớn đến phương cách quản lý các doanh nghiệp sản xuất. Các doanh nghiệp cũng cần phải dự báo, tính toán lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng, mua sắm vật tư, kiểm tra kiểm soát tồn kho, lập lịch tiến độ sản xuất,... bất kể doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm đơn giản hay phức tạp. Mục tiêu của học phần này nhằm giới thiệu sinh viên nắm những vấn đề cơ bản và những tình huống cụ thể phải giải quyết trong quá trình quản trị sản xuất.	Khoa Kinh tế

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

## 5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay thực tập/tham quan điều kiện thực tế ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

## 6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp,...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA**



*Cần Thơ, ngày 25 tháng 12 năm 2020*  
**Q. TRƯỞNG BỘ MÔN**

**ThS. Nguyễn Văn Nay**

**PHỤ LỤC**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**